

Bản án số: 1344/2025/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** bà Châu Thị Hồng Đào

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Châu Thị Lệ

2. Ông Nguyễn Thanh Tùng

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Tuyền là thư ký Tòa án

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** bà Đinh Hương Liên – Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 556/2025/DSST ngày 17 tháng 6 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2141/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2878/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần E ; địa chỉ trụ sở: Số 89 đường L, phường M (phường L, quận Đ cũ), Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Tầng 1, tòa nhà M, số 96 đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Bà Tô Thị Thu T, sinh năm 2000; địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà M, số 96 đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (**văn bản ủy quyền số 3898.06/2025/UQN-PUN-RCC ngày 15/6/2025**)

- **Bị đơn:** Ông Văn Trung T2, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 513/6/4 đường N, phường G (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Tô Thị Thu T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần E (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Văn Trung T2 đã ký Hợp đồng tín dụng gồm:

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử (LN2301168181508/LD2302700572), ký ngày 09/01/2023, giải ngân ngày 27/01/2023 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần E có nội dung: số tiền cho vay: 246,750,000 đồng; mục đích vay: mua đồ gia dụng; thời hạn cho vay: 48 tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 05/8/2023 và phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký.

Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 30/9/2025 theo hợp đồng cho vay trên là: nợ gốc: 232,132,567 đồng; nợ lãi trong hạn: 5,142,603 đồng; nợ lãi quá hạn: 202,914,007 đồng. Tổng cộng: 440,189,177 đồng.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử ký ngày 10/9/2020, mở ngày 17/09/2020 (thẻ tín dụng số 325-P-9065250/LN2009112769003) tại Ngân hàng Thương mại cổ phần E có nội dung: hạn mức thẻ: 20,000,000 đồng; mục đích sử dụng vốn: phục vụ nhu cầu đời sống

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 09/8/2023 và phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký.

Tính đến ngày 30/9/2025, ông Văn Trung T2 đã giao dịch, sử dụng tổng số tiền là 1,009,017,220 đồng và đã trả được gốc: 973,017,614 đồng và nợ lãi: 3,389,136 đồng, tổng cộng: 976,580,000 đồng.

Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 30/9/2025 theo hợp đồng cho vay trên là: nợ gốc: 19,995,050 đồng và nợ lãi: 28,693,304 đồng. Tổng cộng: 48,668,354 đồng

Ông T2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

Ngân hàng yêu cầu ông Văn Trung T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký là 488,877,531 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó: nợ gốc: 252,127,617 đồng; nợ lãi khoản vay tính đến ngày 30/9/2025: 236,749,914 đồng.

- Ông Văn Trung T2 tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

2. Bị đơn – ông Văn Trung T2 không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự .

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T2 trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Ông T2 cư trú tại quận G (nay là phường G), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T2 nhưng ông T2 vắng mặt, không nộp (*gửi*) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì

Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Căn cứ vào Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử (LN2301168181508/LD2302700572), ký ngày 09/01/2023, giải ngân ngày 27/01/2023; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử ký ngày 10/9/2020, mở ngày 17/09/2020 (thẻ tín dụng số 325-P-9065250/LN2009112769003) và bảng tổng hợp dư nợ đến ngày 30/9/2025 của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy Ngân hàng yêu ông T2 trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 488,877,531 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, Ngân hàng yêu cầu ông T2 thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định theo hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, Ngân hàng yêu cầu ông T2 trả các khoản nợ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc ông Văn Trung T2 trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E tổng số nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký là 488,877,531 (bốn trăm tám mươi tám triệu tám trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm ba mươi một) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó: nợ gốc: 252,127,617 (hai trăm năm mươi hai triệu một trăm hai

mười bảy ngàn sáu trăm mười bảy) đồng; nợ lãi khoản vay tính đến ngày 30/9/2025: 236,749,914 (hai trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm mười bốn) đồng.

Kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2025, ông T2 tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử (LN2301168181508/LD2302700572), ký ngày 09/01/2023; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử ký ngày 10/9/2020 (và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi trả xong các khoản nợ).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng Thương mại cổ phần E được nhận lại số tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện là 10,229,846 (mười triệu hai trăm hai mươi chín ngàn tám trăm bốn mươi sáu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25P số 0000230 ngày 16/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông T2 phải nộp số tiền án phí 23,555,101 (hai mươi ba triệu năm trăm năm mươi lăm ngàn một trăm lẻ một) đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

Thành viên
Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào

